

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19-4-2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Côn; Ông Giáp Văn Phẩm.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:* Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lưu Văn H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị chung sống với anh Lưu Văn H vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa, nhưng vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau ngày cưới chị về gia đình anh H làm dâu tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, mặt khác do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong việc phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau. Chị và anh H đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2013 đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm gì với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lưu Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 13/10/2000 và Lưu Thị N, sinh ngày 07/7/2002. Về vấn đề con chung vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2019 bị đơn anh Lưu Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X chung sống với nhau từ năm 1999, trước khi cưới có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau ngày cưới chị X về gia đình anh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và không quan hệ tình cảm gì với nhau từ năm 2013 đến nay. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên việc chị X xin ly hôn thì anh nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 13/10/2000 và Lưu Thị N, sinh ngày 07/7/2002. Về con chung anh không yêu cầu Tòa án xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lưu Văn H, các vấn đề về con chung, tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị X xin chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Bị đơn anh Lưu Văn H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn anh H vẫn giữ nguyên lời khai như đã cung cấp cho Tòa án, việc chị X xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Các vấn đề về con chung, tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm về thời hạn xử lý đơn khởi kiện. Việc bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X: Không công nhận chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Văn H là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản và công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Lưu Văn H được ly hôn. Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lưu Văn H vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Văn H chung sống với nhau từ năm 1999, hai bên được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1999 cho đến nay vợ chồng không đi đăng ký kết hôn lại theo nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng trí hướng trong việc phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát. Chị X – anh H đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chị X và anh H sống ly thân đã lâu (hơn 5 năm), chứng tỏ đời sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị X yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ và cần được chấp nhận, nhưng do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên cần áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử “Không công nhận chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Văn H là vợ chồng” xét như vậy là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Văn H sinh được hai người con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 13/10/2000 và Lưu Thị N, sinh ngày 07/7/2002. Do vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác*: Chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X: Không công nhận chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị X đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005303 ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn

